

Bản án số: 19 /2018/HS-ST
Ngày 22 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thường

Bà Hoàng Thị Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên dự khuyết

Ngày 22/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2018/ HSST ngày 19/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 30/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị cáo:

- Thên H, sinh năm 1986, tại huyện BQ, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã V, huyện BQ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thên T, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Sùng T, sinh năm 1960; chồng: chưa có; con có 03 con, con lớn 14 tuổi, con nhỏ 5 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: bị cáo có 02 tiền án: Tại bản án số 47/2005/HSST ngày 12/12/2005 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo được hoãn thi hành án nhiều lần với lý do đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Hết thời hạn tạm hoãn bị cáo bị truy nã theo Quyết định truy nã số 152/QĐ-TN ngày 08/8/2014 của cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Hà Giang, đến ngày 28/2/2017 bị bắt truy nã để thi hành án; tại bản án số 457/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị can đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam P, Tổng cục VIII Bộ Công an theo Quyết định chấp hành hình phạt tù số 31/2018/QĐ-CA ngày 30/1/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay bị can đang được trích xuất từ Trại giam P, Tổng cục VIII Bộ Công an đến nhà tạm giữ Công an huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hương: Ông Nguyễn V – Luật sư của Công ty Luật TNHH A – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
- Anh Hoàng Đ, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện BQ, tỉnh Hà Giang; đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã H, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.
- Anh Phan C, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện QB, tỉnh Hà Giang; đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã Y, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.
- Chị Nguyễn M, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần T, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 10, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T; vắng mặt.
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện QB, tỉnh Hà Giang; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T, sinh năm 1979, là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.
- *Người tham gia tố tụng khác:*
- Người làm chứng:* - Anh Hoàng H, sinh năm 1985; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nơi tạm trú: Tổ 5, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thên H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã V, huyện BQ, tỉnh Hà Giang đến sinh sống tại địa bàn thành phố T, tỉnh Thái Nguyên từ năm 2012 và có dự định sẽ kết hôn với anh Hoàng H trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Trong khoảng tháng 3/2013 Thên H đến Ủy ban nhân dân xã V, huyện BQ, tỉnh Hà Giang để xin chuyển hộ khẩu về phường T, thành phố T và xin cấp giấy tờ xác nhận để về phường T làm thủ tục kết hôn với anh Hoàng H nhưng Công an xã V không đồng ý làm thủ tục chuyển hộ khẩu cho H với lý do H đang trong thời gian hoãn chấp hành án phạt tù về tội trộm cắp tài sản. Để có được các loại giấy tờ xác nhận làm được thủ tục đăng ký kết hôn và cắt chuyển hộ khẩu về phường T, H đã gọi điện cho em rể của H là anh Hoàng Đ là cán bộ Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã H, huyện QB, tỉnh Hà Giang và nhờ anh Đ làm giúp giấy tờ có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, anh Đ trả lời không giúp được vì H không có hộ khẩu thường trú tại xã H. Khoảng 2 ngày sau, vào khoảng 16 giờ Thên H đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, thấy anh Đ đang làm việc một mình tại Phòng giao dịch Trung tâm giao dịch hành chính một cửa, H tiếp tục nhờ anh Đ xin hộ một số giấy tờ có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H nhưng anh Đ từ chối. Trong lúc ngồi nói chuyện H hỏi thủ tục gồm những giấy tờ gì, anh Đ đã lấy tại bàn làm việc của phòng Trung tâm giao dịch hành chính một cửa 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy giới thiệu, 01 giấy xác nhận hộ khẩu đưa cho H xem tham khảo, khi H xem xong anh Đ cất những giấy tờ này vào chỗ cũ. Thấy những giấy tờ anh Đ đưa cho xem chưa điền thông tin gì nhưng đều

đã có chữ ký xác nhận của ông Phan C là Chủ tịch ủy ban nhân dân xã H và nhìn thấy trên mặt bàn làm việc có để các loại dấu, Thèn H nảy sinh ý định lấy trộm giấy tờ và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã H vào các loại giấy tờ này. Lợi dụng lúc anh Đ đi ra khỏi phòng làm việc nói chuyện điện thoại, H đến bàn làm việc lấy 03 loại giấy tờ mà lúc trước anh Đ đưa cho H xem gồm 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy giới thiệu, 01 giấy xác nhận hộ khẩu, H lấy 02 chiếc ảnh thẻ mang theo trong ví của H dán vào góc trên bên trái của giấy giới thiệu và giấy xác nhận hộ khẩu, lấy dấu quốc huy của Ủy ban nhân dân xã H đóng vào phần có chữ ký của ông Phan C, đóng dấu giáp lai ảnh thẻ, đóng dấu tên của ông Phan C rồi cất những giấy tờ này vào trong ví của H, khi anh Đ quay vào phòng bảo H đi về thì H ra ngoài đi về luôn. Lấy được giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy giới thiệu, giấy xác nhận hộ khẩu từ phòng Trung tâm giao dịch hành chính một cửa xã H, H điền thông tin giả là Phạm T sinh ngày 20/8/1987, trú tại thôn N, xã H, huyện QB, tỉnh Hà Giang, điền ngày 28/3/2013 vào các loại giấy tờ này rồi mang đến Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Hoàng H. Căn cứ vào các giấy tờ mang tên Hoàng T, ngày 04/4/2013 Thèn H được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với anh Hoàng H. Anh H và H chung sống với nhau tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên và đã có 01 con chung. Khi hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù, Thèn H không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là thôn H, xã V, huyện BQ, tỉnh Hà Giang nên cơ quan Thi hành án hình sự công an tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định truy nã số 152/QĐ-TN ngày 08/8/2014 đối với H, đến ngày 28/2/2017 Thèn H bị bắt truy nã để thi hành án. Quá trình bắt truy nã cơ quan chức năng đã phát hiện hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của H nên Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố T lập hồ sơ tin báo để giải quyết vụ việc.

Tại bản kết luận giám định số 562/KL - PC54 ngày 25/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Hình dấu tròn đỏ trên các tài liệu giám định do cùng một con dấu đóng ra, đồng nhất với mẫu dấu thu tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện QB, tỉnh Hà Giang;

Chữ ký mang tên Phan Văn C và Phan C trên các tài liệu cần giám định là chữ ký trực tiếp nhưng không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Phan Văn C và Phan C trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký của Phan C trên tài liệu mẫu so sánh vì có một số đặc điểm giống nhau tuy nhiên đặc điểm ít, không ổn định, cần tiến hành thu thêm mẫu chữ ký tại thời điểm trước, trong năm 2013 để tiến hành giám định tiếp;

Chữ viết trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M4: Bản nhận xét đánh giá cán bộ ngày 14/10/2013 mang tên Nguyễn M) không phải do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 257/KL-PC54 ngày 18/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Chữ ký tên Phan Văn C và Phan C trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Phan C trên tài liệu mẫu có những đặc điểm chung, riêng giống nhau cơ bản, ổn định, đủ cơ sở kết luận do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra xác định được: Ông Phan C giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện QB, tỉnh Hà Giang khai nhận: để tiện cho việc cấp giấy tờ xác nhận cho công dân, ông Phan C đã ký tên xác nhận vào một số biểu mẫu khi chưa điền thông tin gì và giao lại cho cán bộ Phòng trung tâm giao dịch hành chính một cửa, trong đó có anh Hoàng Đ quản lý, cấp cho công dân.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 23/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Thèn H về tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Thèn H từ 10 đến 14 tháng tù.

Về vật chứng và nghĩa vụ chịu án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Hương và bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị: để đảm bảo theo hướng có lợi cho bị cáo không tách hành vi làm giả giấy tờ tài liệu của Công an thị trấn V, huyện BQ, tỉnh Hà Giang của bị cáo ra giải quyết thành một vụ án riêng và đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung yêu cầu thu thập thêm thông tin chứng cứ tài liệu ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo và chị Nguyễn M từ chiếc điện thoại của bị cáo; lấy lời khai của Hoàng Văn H ký tên trong giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để xác định Hoàng Văn H có đồng phạm với bị cáo không; giám định tài liệu chữ viết trong giấy tờ làm giả của Công an thị trấn V xem có phải là chữ viết của chị Nguyễn M không.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trùng khớp với lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QB, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện QB trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với

lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với sơ đồ hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 3/2013 Thèn H đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý giấy tờ, tài liệu, con dấu của cán bộ Trung tâm hành chính một cửa Ủy ban nhân dân xã H để lấy trộm 03 loại giấy tờ biểu mẫu đã có chữ ký của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã H nhưng chưa điền thông tin gì gồm 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy xác nhận hộ khẩu, 01 giấy giới thiệu, dùng dấu Quốc huy của Ủy ban nhân dân xã H, dấu tên của ông Phan C đóng vào các giấy tờ lấy được. Sau đó H điền thông tin giả là Phạm T sinh ngày 20/8/1987, trú tại thôn N, xã H, huyện QB, tỉnh Hà Giang vào các giấy tờ này rồi đến Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên làm thủ tục đăng ký kết hôn. Bằng việc sử dụng những giấy tờ, tài liệu giả mang tên Phạm T, ngày 19/9/2013 Thèn H đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với anh Hoàng H, sinh năm 1985, trú tại phường T, thành phố T. Do vậy hành vi trên của bị cáo H đã phạm tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức có khung hình phạt từ 6 tháng đến 3 năm; khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 2 năm. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì khi quyết định hình phạt hành vi phạm tội của bị cáo H được xem xét theo hướng có lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, các loại tài liệu, giấy tờ, xâm hại đến trật tự quản lý hành chính, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có trình độ hiểu biết nhất định, nhận thức được rằng hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích để trốn tránh sự truy nã của cơ quan công an và có được những giấy tờ, tài liệu hợp pháp trong việc làm thủ tục đăng ký kết hôn nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 12/12/2005 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã bỏ trốn không chấp hành án; trong thời gian được hoãn thi hành án ngày 20/7/2009 bị cáo bị Công an huyện BQ, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản. Sau khi làm giả được giấy tờ bị cáo lấy tên là Phạm T để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và năm 2017 bị Tòa án nhân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết tăng nặng là tái phạm.

Bị cáo thực hiện hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức trước khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng lại bị xét xử sau hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo phòng ngừa chung.

Song bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngoài ra tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày 20/9/2018 bị cáo còn khai nhận việc làm giả giấy tờ, tài liệu của Ủy ban nhân dân xã H, huyện QB và thủ tục nhập khẩu về nhà chồng ở phường T, thành phố T có sự giúp sức của chị Nguyễn M là cán bộ Cảnh sát khu vực Công an phường T, thành phố T đã gợi ý H lấy giấy xác nhận tại nơi cư trú, điền họ tên thông tin giả vào giấy xác nhận để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Các giấy tờ gồm 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy xác nhận hộ khẩu, 01 giấy giới thiệu lấy được tại Ủy ban nhân dân xã H H đưa hết cho chị M để chị M điền thông tin giả rồi H mới mang đến Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Để được chị M giúp H đã 2 lần đưa cho chị M tổng cộng số tiền là 40.000.000 đồng. Trong đó có 20.000.000 bị cáo trực tiếp đưa cho chị M, còn 20.000.000 do anh Hoàng H là chồng của bị cáo đưa cho chị M. Việc bị cáo đưa tiền cho chị M bị cáo đã dùng bút quay bên trong có thể nhớ để quay và ghi âm lại cuộc nói chuyện về việc đưa tiền giữa bị cáo và chị M. Chiếc bút quay được bị cáo cất giấu bằng cách chôn ở dưới viên gạch trong phòng ngủ tại nhà ở của bị cáo ở xóm H, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Việc bị cáo đưa tiền cho chị M có chị N làm ở quán cắt tóc gọi đầu chứng kiến. Ngày 20/9/2018 Hội đồng xét xử Tòa án nhân huyện QB đã quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung thu thập chứng cứ là chiếc bút quay và lấy lời khai của chị N. Quá trình điều tra bổ sung Cơ quan điều tra Công an huyện QB đã khám xét nhà ở của bị cáo nhưng không thu thập chứng cứ là chiếc bút quay, thu thập thêm thông tin từ 02 chiếc điện thoại cá nhân và tài khoản google cá nhân của bị cáo nhưng không có kết quả. Chị N làm ở quán cắt tóc gọi đầu khẳng định không quen biết với bị cáo. Tại bản kết luận giám định số 562/KL - PC54 ngày 25/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận Chữ viết trên các tài liệu bị cáo dùng để làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Hoàng H không phải chữ viết của chị Nguyễn M. Như vậy không đủ cơ sở để kết luận chị M đã có hành vi giúp sức cho bị cáo H trong việc làm giả tài liệu giấy tờ của Ủy ban nhân dân xã H.

[4] Quá trình điều tra bị cáo còn khai nhận trong năm 2013 bị cáo còn có hành vi làm giả giấy tờ của Công an thị trấn V, huyện BQ, tỉnh Hà Giang để được đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình điều tra cơ quan Công an huyện QB đã tách chuyển nội dung sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BQ, tỉnh Hà Giang để xử lý theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Vì vậy hội đồng xét xử không xem xét đến.

Việc Cơ quan điều tra Công an huyện QB tách chuyển việc bị cáo H làm giả giấy tờ của Công an thị trấn V đến Cơ quan điều tra Công an huyện BQ là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 163 và Điều 170 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy đề nghị của Luật sư về việc yêu cầu trả hồ sơ để nhập hành vi bị cáo làm giả giấy tờ của Công an thị trấn V, huyện BQ, tỉnh Hà Giang để xét xử trong cùng một vụ án không được chấp nhận.

Tại thời điểm năm 2013 cán bộ tư pháp xã H là anh Phan T, không phải là Hoàng Văn H và ở Ủy ban nhân dân xã H không có cán bộ tên là Hoàng Văn H, chỉ có anh Nguyễn Văn H. Do vậy không biết người tên Hoàng Văn H ký tên ở mục cán bộ tư pháp trong giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do bị cáo làm giả là ai để tiến hành lấy lời khai. Chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung J7 và SamSung J2 bị cáo khai sử dụng để ghi âm được cuộc nói chuyện giữa bị cáo và chị M về việc chị M giúp đỡ bị cáo trong việc làm giả giấy tờ của Ủy ban nhân dân xã H được sản xuất năm 2015, hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện từ năm 2013, quá trình điều tra bổ sung Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập thông tin từ hai chiếc điện thoại của bị cáo nhưng không có kết quả. Do vậy không có cơ sở để khẳng định chiếc điện thoại có lưu giữ chứng cứ chứng minh việc chị M đã giúp bị cáo trong việc làm giả giấy tờ của Ủy ban nhân dân xã H. Tài liệu giám định chữ viết của chị M trong việc bị cáo làm giả giấy tờ của Công an thị trấn V đã được tách chuyển đến Cơ quan điều tra Công an huyện BQ để giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì vậy đề nghị của Luật sư về việc yêu cầu lấy lời khai của anh Hoàng Văn H, thu thập tài liệu chứng cứ từ 02 chiếc điện thoại SamSung J7 và SamSung J2 của bị cáo, giám định chữ viết của chị Nguyễn M trong giấy tờ tài liệu bị cáo làm giả của Công an thị trấn V là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[5] Đối với ông Phan C với cương vị là Chủ tịch ủy ban nhân dân xã H đã ký tên xác nhận vào các biểu mẫu giấy tờ khi chưa ghi nội dung gì. Như vậy việc làm của ông C đã vi phạm quy trình soạn thảo văn bản quản lý hành chính nhà nước, làm giảm uy tín trong hoạt động quản lý hành chính của cơ quan nhà nước, tạo sơ hở, điều kiện cho tội phạm xảy ra. Đối với anh Hoàng Đ với chức trách nhiệm vụ là cán bộ Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đã thiếu trách nhiệm trong việc quản lý tài liệu con dấu của cơ quan nhà nước, tạo sơ hở, điều kiện cho việc thực hiện hành vi phạm tội. Nhưng Hội đồng xét xử xét thấy ông C và anh Đ không có hành vi giúp sức cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội, không có động cơ mục đích vụ lợi cá nhân, nên không xem xét xử lý về hình sự đối với ông C và anh Đ. Chỉ cần đề nghị cơ quan nơi ông C và anh Đ xem xét, xử lý hành chính đối với ông C và anh Đ cũng đủ cơ sở để rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý hành chính nhà nước. Ông C hiện nay đã chuyển đến công tác tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện QB, tỉnh Hà Giang. Vì vậy đề nghị Ủy ban nhân dân xã Y và Ủy ban nhân dân xã H, huyện QB, tỉnh Hà Giang xem xét, xử lý kiểm điểm việc làm thiếu trách nhiệm của ông C và anh Đ theo quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra bổ sung bị cáo đã nhờ gia đình bị cáo giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (J7), vỏ màu trắng, số

Imei: 358301/07/162077/7 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (J2), vỏ màu trắng, số Imei: 353298/08/935914/8, cả hai chiếc điện thoại đều đã bị hỏng không còn sử dụng được. Hai chiếc điện thoại này là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy cần xem xét trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thèn H phạm tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Thèn H 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 457/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 13 năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2017, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị bắt lần 1 từ ngày 07/4/2009 đến ngày 24/4/2009 và bắt lần 2 từ ngày 17/6/2013 đến ngày 28/7/2013.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo: - 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (J7), vỏ màu trắng, số Imei: 358301/07/162077/7, điện thoại đã bị hỏng, không còn sử dụng được.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (J2), vỏ màu trắng, số Imei: 353298/08/935914/8, điện thoại đã bị hỏng, không còn sử dụng được.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện QB, tỉnh Hà Giang ngày 22/10/2018.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thèn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ, (Hai trăm nghìn đồng).

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV27, PC81 Công an tỉnh;
- VKSND huyện QB;
- CA huyện QB;
- CCTHADS huyện QB;
- UBND xã H; UBND P. T
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hải Phương

